

Từ vựng tiếng Thái về du lịch - Các loại giấy tờ

Hộ chiếu: หนังสือเดินทาง

Visa: วีซ่า

Vé: ตั๋ว

Thẻ lên máy bay: บัตรขึ้นเครื่อง

Bảo hiểm du lịch: ประกันภัยการเดินทาง

Hộ chiếu khẩn: หนังสือเดินทางฉุกเฉิน

Hộ chiếu nhóm: หนังสือเดินทางแบบกลุ่ม

Hộ chiếu phổ thông: หนังสือเดินทางธรรมดา

Hộ chiếu ngoại giao: หนังสือเดินทางทูต

Hộ chiếu công vụ: หนังสือเดินทางราชการ

Từ vựng tiếng Thái về du lịch - Các loại hình du lịch

Du lịch văn hóa:การท่องเที่ยวทางวัฒนธรรม

Du lịch sinh thái:การท่องเที่ยวเชิงนิเวศ

Du lịch xa xỉ:การท่องเที่ยวแบบหรูหรา

Du lịch tự túc:การท่องเที่ยวแบบแบกเป้

Du lịch bằng tàu thủy:การท่องเที่ยวโดยเรือสำราญ

Du lịch trong nước:การท่องเที่ยวภายในประเทศ

Du lịch nghỉ dưỡng:การท่องเที่ยวพักผ่อนหย่อนใจ

Du lịch khám phá:การท่องเที่ยวเชิงผจญภัย

Du lịch đi bộ đường dài: การเดินป่าระยะไกล

Du lịch lặn biển: ทัวร์ดำน้ำ

Du lịch chèo thuyền kayak: การพายเรือคายัค

Du lịch khen thưởng: การท่องเที่ยวเพื่อเป็นรางวัล

Du lịch hội nghị, hội thảo, triển lãm: การท่องเที่ยวเพื่อการประชุมและนิทรรศการ

Từ vựng tiếng Thái về khách sạn

Lễ tân: พนักงานต้อนรับ

Đặt phòng: จองห้องพัก

Làm thủ tục nhận phòng: เช็คอิน

Làm thủ tục trả phòng: เช็คเอาท์

Phòng đơn: ห้องเดี่ยว

Phòng đôi: ห้องคู่

Phòng hạng sang (Suite): ห้องชุด

Dịch vụ phòng: บริการรูมเซอร์วิส

Phòng trống: ห้องว่าง

Phụ phí phòng đơn: ค่าธรรมเนียมพักเดี่ยว

Số phòng: หมายเลขห้อง

Nhân viên dọn phòng: พนักงานทำความสะอาด

Xe đẩy hành lý: รถเข็นกระเป๋า

Hành lý: กระเป๋าเดินทาง

Hết phòng: ห้องเต็ม

Từ vựng tiếng Thái về hoạt động khi đi du lịch

Tham quan cảnh đẹp: ชมทิวทัศน์

Đi bộ đường dài: เดินป่า

Boi lội: ว่ายน้ำ

Cắm trại: ตั้งแคมป์

Lặn ngắm san hô: ดำน้ำตื้น

Mua sắm: ซื้อของ / ช้อปปิ้ง

Ăn ngoài: ทานข้าวนอกบ้าน

Thăm quan: เยี่ยมชม

Thư giãn: พักผ่อน

Trượt tuyết: เล่นสกี

Chèo thuyền / Kayak: พายเรือ / คายัค

Cưỡi ngựa: จิ่ม้า

Câu cá: ตกปลา

Hướng dẫn viên du lịch: มัคคุเทศก์ / ไกด์

Từ vựng về các dịch vụ cơ bản khi đi du lịch

Đổi tiền: แลกเงิน

Máy rút tiền tự động (ATM): เครื่องเอทีเอ็ม

Phòng vệ sinh: ห้องน้ำ

Dịch vụ đỗ xe: บริการจอดรถ

Dịch vụ giặt là: บริการซักรีด

Gói tour du lịch: แพคเกจทัวร์

Dịch vụ đưa đón sân bay: บริการรับส่งสนามบิน

Thuê xe hơi / xe máy / xe đạp: เช่ารถยนต์ / รถจักรยานยนต์ / จักรยาน

Từ vựng tiếng Thái về địa điểm du lịch

Bãi biển: ชายหาด

Đường bờ biển: แนวชายฝั่ง

Bảo tàng: พิพิธภัณฑ์

Đài tưởng niệm:อนุสาวรีย์

Công viên / Công viên giải trí: สวนสาธารณะ / สวนสนุก

Núi / Sa mạc: ภูเขา / ทะเลทราย

Trung tâm thành phố: ใจกลางเมือง

Sở thú: สวนสัตว์

Lâu đài / Cung điện: ปราสาท / พระราชวัง

Ngôi đền / Chùa: วัด

Vùng nông thôn: ชนบท

Hải cảng: ท่าเรือ

Di tích lịch sử: โบราณสถาน

Từ vựng tiếng Thái về phương tiện di chuyển

Máy bay: เครื่องบิน

Máy bay trực thăng: เฮลิคอปเตอร์

Xe đạp: จักรยาน

Xe máy: รถจักรยานยนต์

Thuyền: เรือ

Xuồng: เรือพาย

Tàu thủy: เรือเดินสมุทร

Du thuyền: เรือยอซท์

Xe buýt: รถเมล์

Xe buýt tham quan: รถบัสท่องเที่ยว

Ô tô: รถยนต์

Xe tải: รถบรรทุก

Tàu hỏa: รถไฟ

Xe điện: รถไฟฟ้า

Thuật ngữ tiếng Thái ngành du lịch

Thuật ngữ tiếng Thái về phương tiện vận chuyển

Xe buýt tham quan: รถบัสท่องเที่ยว

Hạng phổ thông: ชั้นประหยัด

Vé máy bay 1 chiều:ตั๋วเครื่องบินเที่ยวเดียว

Vé máy bay khứ hồi:ตั๋วเครื่องบินไป-กลับ

Giờ đến: เวลาถึง

Giờ đến dự kiến: เวลาถึงโดยประมาณ

Giờ khởi hành: เวลาออกเดินทาง

Đường bay: เส้นทางการบิน

Sơ đồ tuyến bay/mạng: แผนที่เส้นทางการบิน

Lịch bay: ตารางบิน

Lịch chạy tàu: ตารางเดินรถไฟ

Giá gộp: ราคาเหมา

Giờ khởi hành dự kiến: เวลาออกเดินทางโดยประมาณ

Vé miễn phí: ตั๋วฟรี

Vé điện tử: ตั๋วอิเล็กทรอนิกส์

Thời gian vào cửa: เวลาเช็คอิน

Vé hạng sang (Hạng nhất): ตั๋วชั้นหนึ่ง

Vé hạng thương gia: ตั๋วชั้นธุรกิจ

Thuật ngữ tiếng Thái về các loại phòng khách sạn

Khách sạn sẽ xếp phòng cho bạn bất cứ phòng nào còn trống bất kể đó là loại phòng nào: โรงแรมจะจัดห้องที่ว่างอยู่ให้โดยไม่จำกัดประเภทห้อง

Phòng 3 giường: ห้องพักสามเตียง

Phòng 2 giường: ห้องเตียงคู่

Phòng kép cho 2 người, có 2 giường và 1 phòng tắm: ห้องพักรู้นี้สำหรับสองคน มีสองเตียงและหนึ่งห้องน้ำ

Phòng tiêu chuẩn: ห้องมาตรฐาน

Phòng đơn có 1 giường: ห้องเตียงเดี่ยวสำหรับหนึ่งคน

Phòng đơn có kèm bữa sáng: ห้องเตียงเดี่ยวรวมอาหารเช้า

Phòng có 2 giường cho 2 người ở: ห้องพักสองเตียงสำหรับสองคน

Phòng có 1 giường to, thường dành cho cặp đôi: ห้องเตียงใหญ่สำหรับคู่รัก

Phòng cao cấp có diện tích lớn hơn hoặc view đẹp hơn: ห้องซูพีเรีย (ห้องพักขนาดใหญ่หรือวิวสวย)

Phòng cao cấp ở tầng cao: ห้องดีลักซ์ (ห้องพักหรูหรานบนชั้นสูง)

Những cụm từ vựng tiếng Thái chủ đề du lịch

Đi du lịch: ไปเที่ยว

Đi tham quan: ไปชมวิว

Đặt vé máy bay: จองตั๋วเครื่องบิน

Làm thủ tục nhận phòng: เช็คอิน

Lên tàu/xe buýt: ขึ้นรถไฟ / ขึ้นรถบัส

Lịch trình dày đặc: ตารางเวลาแน่นมาก

Người hay phàn nàn khi lái xe: คนขับรถที่ชอบบ่น (Khon-kháp-rót-thì-chôp-bòn)

Di chuyển nhanh hơn: ไปเร็วขึ้น (Pai-reo-khun)

Khởi hành: ออกเดินทาง

Di chuyển liên tục: เดินทางตลอดเวลา

Lạc đường: หลงทาง

Ăn uống trước khi khởi hành: ทานอะไรก่อนออกเดินทาง

Tăng tốc: เร่งความเร็ว

Dừng xe để nghỉ: หยุดพักรถ

Chuyến bay đêm: เที่ยวบินกลางคืน

Hết xăng, còn ít: น้ำมันใกล้หมด

Lái xe chậm rãi: ขับรถช้าๆ

Du lịch gọn nhẹ: เดินทางแบบสัมภาระน้อย

Cẩn thận xung quanh: ระวังตัว

Đi phượt/cắm trại/đi nhờ xe/tham quan: ไปเที่ยวแบบแบกเป้ / ตั้งแคมป์ / โบการถเที่ยว / ไปชมวิว

Đi nghỉ/lễ/tuần trăng mật/thăm hiểm động vật hoang dã: ไปพักร้อน / ไป

พักผ่อน / ไปฮันนีมูน / ท่องเที่ยวซาฟารี

Nghỉ mát/nghỉ phép/nghỉ một ngày: พักผ่อน / ลาพักร้อน / วันหยุดพักผ่อน

Thuê xe hơi/máy/đạp: เช่ารถยนต์ / รถจักรยานยนต์ / จักรยาน

Đóng/mở túi xách/va-li: จัดกระเป๋า / เปิดกระเป๋า

Lên kế hoạch chuyến đi: วางแผนการเดินทาง

Đặt/hủy chỗ: จองที่นั่ง / ยกเลิกการจอง

Thuê biệt thự/nhà nghỉ: เช่าวิลล่า / บ้านพักตากอากาศ

Nhận/trả phòng khách sạn: เช็คอิน / เช็คเอาท์

Gọi dịch vụ phòng: บริการรูมเซอร์วิส

Hủy chuyến đi/kỳ nghỉ: ยกเลิกการเดินทาง / ยกเลิกวันหยุด

Du lịch trọn gói: แพคเกจทัวร์